1.Mạng LAN:

Phạm vi : nhỏ, thường trong một tòa nhà, văn phòng, trường học.

Tốc độ : cao(100 Mbps đến Gbps).

Chi phí : thấp , dễ triển khai ,và bảo trì.

Ứng dụng thực tế : Mạng nội bộ trong văn phòng đẻ chia sẻ máy in, file, kết nối Internet.

2.Mạng MAN:

Phạm vi : trung bình , trong một thành phố hoặc khu đô thị .

Tốc độ : Trung bình (44 Mbps đến 155Mbps).

Chi phí : Trung bình , phức tạp hơ LAN.

Ứng dụng thực tế : Kết nối các chi nhánh của một công ty,trong cùng thành phố , mạng trường học.

3.Mạng WAN:

Phạm vi : Rất rộng, có thể toàn quốc hoặc toàn cầu.

Tốc độ : Thấp hơn LAN và MAN (khoảng 50Mbps).

Chi phí : Cao , cân hà tầng phức tạp và nhà cung cấp dịch vụ.

Ứng dụng thực tế : Internet, kết nối giữa các văn phòng quốc tế của tập đoàn.

Điểm giống nhau và khác nhau của ba loại mạng trên là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | LAN | MAN | WAN |
| Phạm vi | Nhỏ(văn phòng, trường học) | Trung bình (thành phố) | Rộng lớn(quốc gia, toàn cầu) |
| Tốc độ | Cao (100Mbps-10Gbps) | Trung bình (44-155Mbps) | Thấp hơn (khoảng 50Mbps) |
| Chi phí | Thấp | Trung bình | Cao |
| Quản lí | Đơn giản | Tương đối phức tạp | Rất phức tạp |
| Ứng dụng | Nội bộ | Kết nối đo thị | Internet toàn cầu |

A diagram of a global network

AI-generated content may be incorrect.